**PHIẾU HỌC TẬP TOÁN 9 – TUẦN 10**

**A.ĐẠI SỐ:**  **NHẮC LẠI VÀ BỔ SUNG KHÁI NIỆM VỀ HÀM SỐ -- HÀM SỐ BẬC NHẤT – ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ BẬC NHẤT**

**I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ**

**1. Khái niệm hàm số.**

\* Nếu đại lượng y phụ thuộc vào đại lượng thay đổi x sao cho mỗi giá trị của x ta luôn xác định được một giá trị tương ứng của y thì y được gọi là hàm số của x và x được gọi là biến số

\* Hàm số có thể được cho bằng bảng hoặc bằng công thức

\* Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị không đổi thì hàm số y được gọi là hàm hằng.

**2. Đồ thị của hàm số.**

**\***Tập hợp tất cả các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng (x ; f(x)) trên mặt phẳng toạ độ được gọi là đồ thị của hàm số y = f(x)

**3. Hàm số đồng biến, nghịch biến.**

***Môt cách tổng quát:***

*Cho hàm số y = f(x) xác định với mọi x thuộc R. Với mọi x1, x2 bất kì thuộc R*

*\*Nếu x1 < x2 mà f(x1) < f(x2) thì hàm số y = f(x) đồng biến trên R*

*\*Nếu x1 < x2 mà f(x1) > f(x2) thì hàm số y = f(x) nghịch biến trên R*

**4. Khái niệm về hàm số bậc nhất.**

**\* Định nghĩa:**

Hàm số bậc nhất là hàm số được cho bởi công thức y = ax + b. Trong đó a, b là các số cho trước và 

⏵**Chú ý:** Khi b = 0, hàm số có dạng y = ax (đã học ở lớp 7)

**5. Tính chất**

**Tổng quát:**

Hàm số bậc nhất y = ax + b xác định với mọi giá trị x thuộc R và có tính chất sau:

a) Đồng biến trên R, khi a > 0.

b) Nghịch biến trên R, khi a < 0

**II. BÀI TẬP**

**Câu 1**: Cho hàm số y = f(x) xác định trên D. Với x1, x2 ∈ D; x1 < x2, khẳng định nào sau đây là đúng?

A. f(x1) < f(x2) thì hàm số đồng biến trên D

B. f(x1) < f(x2) thì hàm số nghịch biến trên D

C. f(x1) > f(x2) thì hàm số đồng biến trên D

D. f(x1) = f(x2) thì hàm số đồng biến trên D

**Câu 2**: Cho hàm số y = f(x) xác định trên D. Với x1, x2 ∈ D; x1 > x2, khẳng định nào sau đây là đúng?

A. f(x1) < f(x2) thì hàm số đồng biến trên D

B. f(x1) > f(x2) thì hàm số nghịch biến trên D

C. f(x1) > f(x2) thì hàm số đồng biến trên D

D. f(x1) = f(x2) thì hàm số đồng biến trên D

**Câu 3**: Cho hàm số f(x) = 3 – x2. Tính f(−1).

A. −2         B. 2            C. 1            D. 0

**Câu 4**: Cho hàm số f(x) = x3 + x. Tính f(2).

A. 4            B. 6            C. 8            D. 10

**Câu 5**: Cho hàm số f(x) = x3 − 3x – 2. Tính 2.f(3)

A. 16          B. 8            C. 32          D. 64

**Câu 6**: Cho hàm số f(x) = 3x2 + 2x + 1. Tính f(3) – 2f(2).

A. 34          B. 17          C. 20          D. 0

**Câu 7**: Chọn đáp án đúng nhất. Hàm số y = ax + b là hàm số bậc nhất khi:

A. a = 0      B. a < 0      C. a > 0      D. a ≠ 0

**Câu 8**: Chọn đáp án đúng nhất. Với a ≠ 0 hàm số y = ax + b là hàm số:

A. Bậc nhất B. Hàm hằng C. Đồng biến D. Nghịch biến

**Câu 9**: Chọn đáp án đúng nhất. Hàm số y = ax + b là hàm số đồng biến khi:

A. a = 0      B. a < 0      C. a > 0      D. a ≠ 0

**Câu 10**: Chọn đáp án đúng nhất. Hàm số y = ax + b là hàm số nghịch biến khi:

A. a = 0      B. a < 0      C. a > 0      D. a ≠ 0

**Câu 11**: Hàm số nào sau đây là hàm số nghịch biến?

A. y = 2x – 1 B. y = − (1 – 3x)    C. y = − (2x – 1)    D. y = x

\* **Yêu cầu học sinh làm thêm Các bài tập Bài tập 2/sgk.tr45 - Bài tập 5/sgk.tr45 -**

Tài liệu tham khảo:

**B. HÌNH HỌC: CHƯƠNG II: ĐƯỜNG TRÒN**

**§1. SỰ XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG TRÒN.TÍNH CHẤT ĐỐI XỨNG CỦA ĐƯỜNG TRÒN**

1. **KIẾN THỨC NHỚ**

Đường tròn tâm O bán kính R, kí hiệu (O;R), là hình gồm các điểm cách O một khoảng bằng R.
**1. Định nghĩa đường tròn**

Đường tròn tâm O bán kính R, kí hiệu (O;R), là hình gồm các điểm cách O một khoảng bằng R.

|  |  |
| --- | --- |
|  | * Nếu A nằm trên đường tròn (O;R) thì OA=R
* Nếu A nằm trong đường tròn (O; R) thì OA<R
* Nếu A nằm ngoài đường tròn (O;R) thì OA>R.

 |

**2.Cách xác định đường tròn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1.Đường tròn qua 2 điểm :** Có vô số đường tròn qua 2 điểm.Tâm của các đường tròn đó nằm trên đường trung trựccủa đt nối 2 điểm đó .  |  |
| **2.2.Đường tròn qua 3 điểm không thẳng hàng :** Qua 3 điểm không thẳng hàng ta vẽ được 1 vàChỉ 1 đường tròn, -Tâm của đường tròn là giao điểm của 2 đường trung trực hai cạnh của tam giác Tam giác ABC gọi là nội tiếp đường tròn(O) |  |
| **2.3. Tính chất đối xứng của đường tròn****a) Tâm đối xứng**Đường tròn là hình có tâm đối xứng. Tâm của đường tròn là tâm đối xứng của đường tròn đó. |  |

II.BÀI TẬP

**Câu 1**: Số tâm đối xứng của đường tròn là:

A. 1            B. 2            C. 3            D. 4

**Câu 2**: Tâm đối xứng của đường tròn là:

A. Điểm bất kì bên trong đường tròn B. Điểm bất kì bên ngoài đường tròn

C. Điểm bất kì trên đường tròn D. Tâm của đường tròn

**Câu 3**: Khẳng định nào sau đây là đúng khi nói về trục đối xứng của đường tròn?

A. Đường tròn không có trục đối xứng

B. Đường tròn có duy nhất một trục đối xứng là đường kính.

C. Đường tròn có hai trục đối xứng là hai đường kính vuông góc với nhau.

D. Đường tròn có vô số trục đối xứng là đường kính

**Câu 4**: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Đường tròn có … trục đối xứng”

A. 1            B. 2            C. Vô số              D. 3

**Câu 5**: Tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác là:

A. Giao của ba đường phân giác        B. Giao của ba đường trung trực

C. Giao của ba đường cao                  D. Giao của ba đường trung tuyến.

**Câu 6**: Giao ba đường trung trực của tam giác là:

A. Tâm đường tròn ngoại tiếp tam giác (đường tròn đi qua ba đỉnh của tam giác)

B. Tâm đường tròn nội tiếp tam giác (đường tròn tiếp xúc với ba cạnh của tam giác)

C. Tâm đường tròn cắt ba cạnh của tam giác

D. Tâm đường tròn đi qua 1 đỉnh và cắt hai cạnh của tam giác

**- Yêu cầu học sinh làm bài tập (2/tr SGK 100- 3/tr100 SGK)**
**Tài liệu tham khảo:** [**https://www.youtube.com/watch?v=6OOvqTXOvhs**](https://www.youtube.com/watch?v=6OOvqTXOvhs)